

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2023/HS-ST**
Ngày 07-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

2. Ông Võ Văn Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:
Ông Danh Minh Phước, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/HSST-QĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Vinh Qg, sinh ngày 04/5/1962, nơi sinh: Quận 8 – Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Khu phố PH1, thị trấn GQ, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: tổ 2, khu vực x, phường NP, thành phố QN, tỉnh Bình Định; CMND số: 370699050; nghề nghiệp: Nguyên kế toán; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Y (đã chết) và bà Nguyễn Thị D (đã chết), vợ là Đào Thị Th (đã chết) và 02 con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1987. Tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã số 01 ngày 06/3/2006, bắt tạm giữ ngày 31/5/2022 và chuyển tạm giam từ ngày 06/6/2022 cho đến nay, có mặt.

Người giám hộ cho bị cáo: Ông Trần Thiện Minh Ch, sinh năm 1985. Nơi cư trú: tổ 22, khu vực s, phường GR, thành phố QN, tỉnh Bình Định. Có mặt

Bị hại:

1/ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình Thảo, sinh năm 1983. Nơi cư trú: ấp Đông Phước, xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt

2/ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Bến Nhứt. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Nhật Thanh, sinh năm 1974. Nơi cư trú: ấp An Trung, xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

3/ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Kiên Giang. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Nguyên, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Số 198/32, đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt

4/ Ông Vũ Đức T, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Khu phố PH1, thị trấn GQ, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

5/ Bà Nguyễn Thu B, sinh năm 1962. Nơi cư trú: ấp HA, xã ĐH, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang (là người đại diện cho ông Huỳnh Tấn Giá). Có đơn xin vắng mặt

6/ Ông Vưu Quốc T1, sinh năm 1976. Nơi cư trú: ấp CT, xã TL, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt

7/ Ông Danh Hoàng N, sinh năm 1974. Nơi cư trú: ấp HU, xã ĐH, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt

8/ Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1970. Nơi cư trú: ấp DX, xã LT, huyện GR, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt

9/ Ông Trần Quốc T2, sinh năm 1964. Nơi cư trú: ấp AB, xã ĐA, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt

10/ Ông Bùi Hoài T3, sinh năm 1980. Nơi cư trú: ấp TH2, xã TL, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt

11/ Ông Đặng Văn Qc, sinh năm 1967. Nơi cư trú: ấp s, xã VHNB, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt

12/ Bà Huỳnh Ngọc M, sinh năm 1972. Nơi cư trú: ấp AL, xã ĐA, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang (là người đại diện cho ông Danh Ko). Có đơn xin vắng mặt

13/ Ông Lê Hồng N, sinh năm 1951. Nơi cư trú: ấp s, xã VHNB, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt

14/ Ông Lê Hoàng L, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Khu phố PH1, thị trấn GQ, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang (là người đại diện cho ông Lê Như Th1). Có đơn xin vắng mặt

15/ Ông Lưu Ngọc V1, sinh năm 1976. Nơi cư trú: ấp TH2, xã TL, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

16/ Ông Phạm Văn Nh, sinh năm 1953. Nơi cư trú: ấp x, xã VHNB, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Danh Đức T4, sinh năm 1971. Nơi cư trú: ấp TH2, xã TL, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt

2/ Bà Trương Thị U, sinh năm 1973. Nơi cư trú: TH1, xã TL, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang (là người đại diện cho ông Trần Vũ Tr1). Có đơn xin vắng mặt

3/ Bà Trần Đào Phương Du, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Phường GR, thành phố QN, tỉnh Bình Định. Vắng mặt

Người làm chứng: Bà Nguyễn Ngọc M1. Nơi cư trú: ấp x, xã VHNB, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2001, Trần Vinh Qg được phân công làm Kế toán trưởng Phòng giáo dục và đào tạo huyện Gò Quao. Trong thời gian làm việc tại đây, Trần Vinh Qg lợi dụng sự tin tưởng của đồng nghiệp trong cơ quan, các giáo viên dạy tại các điểm trường trong huyện để trực tiếp vay, mượn và nhờ người khác vay tiền dưới hình thức tín chấp tại các tổ chức tín dụng đến cuối năm 2004 thì bỏ trốn khỏi địa phương. Đến khi bỏ trốn Trần Vinh Qg đã chiếm đoạt tiền của các tổ chức và cá nhân cụ thể như sau như sau:

*** Bị cáo Trần Vinh Qg đứng tên trực tiếp vay tại các Ngân hàng:**

1/ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Vị Thanh (nay là Ngân hàng Sacombank):

Ngày 10/10/2001, bị cáo Trần Vinh Qg ký hợp đồng với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín Vị Thanh (nay là Ngân hàng Sacombank) để vay 15 triệu đồng, thời hạn vay 36 tháng (từ ngày 15/10/2001 đến 15/10/2004). Bị cáo trả nợ cho Ngân hàng được 10.842.000đ (Ngày thanh toán nợ lần cuối vào ngày 17/01/2004), sau đó bị cáo không trả nợ và đã bỏ trốn khỏi địa phương đến khi bị bắt giữ. Đến ngày 25/7/2005 Ngân hàng đã gửi đơn khởi kiện với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt như sau: Dư nợ gốc: 4.158.000đ, Tiền lãi: 675.000đ, Tổng cộng: 4.833.000đ (Bốn triệu tám trăm ba mươi ba ngàn đồng).

2/ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Kiên Giang:

Vào ngày 23/9/2002 bị cáo Trần Vinh Qg ký hợp đồng với Ngân hàng đầu tư và phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long chi nhánh Kiên Giang (nay là Ngân hàng BIDV Kiên Giang) vay 30 triệu đồng, thời hạn vay 05 năm (Từ ngày 23/9/2002 đến 23/9/2007). Bị cáo trả nợ cho Ngân hàng đến ngày 21/11/2003 thì không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng nữa và đã bỏ trốn khỏi địa phương đến khi bị bắt giữ. Tính đến ngày tất toán hợp đồng với ngân hàng (23/9/2007) bị cáo còn dư nợ là: Dư nợ gốc: 23.084.200đ, tiền lãi: 11.455.032đ. Tổng cộng: 34.539.232đ (Ba mươi bốn triệu, năm trăm ba mươi chín ngàn hai trăm ba mươi hai đồng).

*** Bị cáo Trần Vinh Qg nhờ các cá nhân đứng tên vay dùm:**

1/ Ông Vũ Đức T - Cán bộ Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Gò Quao:

Vào khoảng tháng 8/2003, bị cáo Trần Vinh Qg nhờ ông Vũ Đức T là người đang cùng công tác tại Phòng giáo dục và đào tạo huyện Gò Quao đứng tên vay giúp bị cáo số tiền 30 triệu đồng, thời hạn vay 12 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bến Nhứt. Sau khi ký hợp đồng vay và nhận tiền ra T đưa cho bị cáo mượn lại số tiền 30 triệu đồng. Bị cáo có làm biên nhận và cam kết sẽ thực hiện đúng việc trả vốn, lãi cho ngân hàng. Bị cáo thực hiện việc thanh toán nợ được 02 tháng với số tiền là 7.500.000đ, số nợ gốc còn: 22.500.000đ, lãi tính đến ngày 18/8/2004 là 2.058.750đ. Sau đó bị cáo không trả nợ cho Ngân hàng và bỏ trốn khỏi địa phương cho đến khi bị bắt giữ. ông T đã đứng ra trả Ngân hàng thay cho bị cáo tổng số tiền là: 24.558.750đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm năm mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

2/ Ông Huỳnh Tấn Gi - Giáo viên Trường tiểu học Thủy Liễu 2:

+ Vào khoảng tháng 12/2002 bị cáo hỏi mượn ông Gi số tiền 24.965.000đ (là số tiền mà 02 giáo viên làm chung Cơ quan với ông Gi nhờ ông Gi đi tất toán

dùng trước hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - chi nhánh Rạch Giá), ông Gi đồng ý lấy số tiền 24.965.000đ cho bị cáo Qg mượn (không có sự đồng ý của 02 giáo viên ông Danh Đức T và ông Trần Vũ Trường). Khoản nợ này bị cáo đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín được 09 triệu đồng, còn lại 15.965.000đ đến nay chưa thanh toán cho ông Gi (02 giáo viên).

+ Đến ngày 23/04/2002 bị cáo tiếp tục hỏi mượn ông Gi số tiền 2.429.000đ.

+ Ngày 12/3/2003 bị cáo nhờ ông Gi đứng tên vay Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Bến Nhứt số tiền 30 triệu đồng, thời hạn vay 05 năm. Bị cáo viết biên nhận cam kết sẽ thực hiện việc trả nợ theo đúng hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền bị cáo thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng đến ngày 29/3/2003 thì không còn khả năng chi trả nên bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương cho đến khi bị bắt. Số tiền gốc còn nợ Ngân hàng đến ngày 29/3/2003 là 28.024.600đ; lãi phát sinh đến ngày tắt toán hợp đồng (12/3/2008) là: 14.491.988đ. Tổng số tiền bị cáo còn nợ Ngân hàng tính đến ngày tắt toán hợp đồng là: 42.516.588đ (gốc và lãi). Thời gian sau khi bị cáo bỏ trốn ông Gi có đứng ra trả nợ Ngân hàng thay cho bị cáo được 05 triệu đồng. Số tiền gốc và lãi còn nợ Ngân hàng đến nay là 37.516.588đ.

Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của Huỳnh Tấn Gi là: 15.965.000đ + 2.429.000đ + 5.000.000đ = 23.394.000đ (Số tiền này người bị hại không yêu cầu khắc phục).

Số tiền bị cáo chiếm đoạt (Chưa trả cho Ngân hàng tính đến thời điểm tắt toán hợp đồng) là: 42.516.588đ (Bốn mươi hai triệu năm trăm mười sáu ngàn năm trăm tám mươi tám đồng).

Như vậy tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của ông Huỳnh Tấn Gi và Ngân hàng tính đến thời điểm hiện tại là: 23.394.000đ + (28.024.600 + 14.491.988đ - 5.000.000đ) = 60.910.588đ (Sáu mươi triệu chín trăm mười ngàn năm trăm tám mươi tám đồng). Trong đó, Ngân hàng yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 37.516.588đ.

3/ Ông Vu Quốc T1 - Giáo viên Trường tiểu học Thủy Liễu 1:

Vào khoảng tháng 12/2001, bị cáo nhờ ông Vu Quốc T1 đứng tên vay giùm số tiền 15 triệu đồng, thời hạn vay 36 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và được ông T1 đồng ý. Sau khi rút được tiền, ông T1 giao toàn bộ số tiền vay được là 15 triệu đồng cho bị cáo Qg tại trụ sở Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Bị cáo thực hiện việc trả vốn, lãi cho ngân hàng đến khoảng tháng 6/2003. Từ tháng 6/2003 đến khi bỏ trốn bị cáo không thanh toán cho ngân hàng khoản nợ còn lại. Ông T1 đã đứng ra trả thay cho bị cáo toàn bộ số tiền vốn, lãi còn lại tính đến thời điểm trả xong nợ (18/10/2005) là 4.778.100đ (Bốn triệu bảy trăm bảy mươi tám ngàn một trăm đồng).

4/ Ông Danh Hoàng N - Giáo viên Trường tiểu học Định Hoà 2:

Vào khoảng tháng 12/2001 bị cáo nhờ ông Danh Hoàng N (Hiệu trưởng Trường tiểu học Định Hoà 2) đứng tên vay dùng bị cáo số tiền 15 triệu đồng, thời hạn vay 36 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Vị Thanh, khi vay được tiền ông N đưa cho bị cáo Qg mượn và bị cáo viết biên nhận, cam kết sẽ thực hiện đúng việc trả vốn, lãi cho ngân hàng. Sau đó bị cáo thanh toán cho ngân hàng

được 19 triệu đồng rồi bỏ trốn. Ông N đã đứng ra trả cho ngân hàng toàn bộ số nợ còn lại tính đến thời điểm trả xong nợ (18/12/2004) là 5.415.000đ (Năm triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng).

5/ Ông Nguyễn Thanh Q - Giáo viên Trường Tiểu học Định Hoà 2:

Vào khoảng tháng 12/2001, bị cáo Trần Vinh Qg nhờ ông Danh Hoàng N nói với Nguyễn Thanh Q (là giáo viên của Trường Tiểu học Định Hoà 2 do Na làm hiệu trưởng) đứng tên vay giùm bị cáo số tiền 15 triệu đồng, thời hạn vay 36 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Vị Thanh và được ông Nguyễn Thanh Q đồng ý. Khoản nợ này bị cáo trả cho ngân hàng được 09 triệu đồng rồi bỏ trốn. Nguyễn Thanh Q đã đứng ra thanh toán cho ngân hàng toàn bộ số nợ còn lại tính đến thời điểm trả xong nợ (18/12/2004) là 5.644.800đ (Năm triệu sáu trăm bốn mươi bốn ngàn tám trăm đồng).

6/ Ông Trần Quốc T2 - Cán bộ phòng giáo dục đào tạo huyện Gò Quao:

Đầu năm 2002 bị cáo hỏi mượn ông Trần Quốc T2 số tiền 9.000.000 đồng (Có viết biên nhận), bị cáo hứa đến tháng 4/2002 sẽ trả. Sau đó bị cáo bỏ trốn cho đến khi bị bắt bị cáo chưa trả cho ông Trần Quốc T2.

7/ Ông Bùi Hoài T3 - Giáo viên Trường Tiểu học Thủy Liễu 1:

Vào ngày 16/01/2004 bị cáo Trần Vinh Qg hỏi mượn ông Bùi Hoài T3 số tiền 2.500.000đ, hẹn mừng 10 tết âm lịch năm 2004 trả lại và được ông T3 đồng ý. Thời gian sau đó ông T3 nhiều lần đến gặp bị cáo để đòi lại tiền nhưng bị cáo cứ hẹn rồi không trả và bỏ trốn cho đến khi bị bắt.

8/ Ông Đặng Văn Qc - Kế toán Trường Tiểu học 2 Vĩnh Hòa Hưng Bắc:

Ngày 30/9/2003 bị cáo Trần Vinh Qg nhờ ông Đặng Văn Qc đứng tên vay Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bến Nhứt số tiền 30 triệu đồng, thời hạn vay 05 năm. Bị cáo viết biên nhận và cam kết sẽ thực hiện việc trả nợ theo đúng hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền bị cáo thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng đến ngày 24/11/2003 thì không còn khả năng chi trả nên bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương cho đến khi bị bắt. Số tiền gốc còn nợ Ngân hàng đến ngày 24/11/2003 là 29.016.400đ (Hai mươi chín triệu không trăm mười sáu ngàn bốn trăm đồng). Sau đó ông Qc đứng ra trả nợ Ngân hàng thay cho bị cáo tổng số tiền là 35.082.877 đ (Ba mươi lăm triệu không trăm tám mươi hai ngàn tám trăm bảy mươi bảy đồng).

9/ Ông Danh Ko - Giáo viên Trường Tiểu học Định An 2:

Vào ngày 08/01/2002, bị cáo Trần Vinh Qg nhờ ông Danh Ko đứng tên vay giùm bị cáo số tiền 15 triệu đồng, thời hạn vay 36 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín –tại Vị Thanh và được ông Ko đồng ý. Sau khi nhận tiền bị cáo có viết biên nhận và cam kết trả nợ đúng theo hợp đồng, nhưng sau đó bị cáo không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng, nên hàng tháng ông Ko phải đứng ra trả nợ Ngân hàng thay cho bị cáo được một thời gian thì bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương. Tổng số tiền Ko đứng ra trả nợ Ngân hàng thay cho bị cáo là: 18.600.000đ (Mười tám triệu sáu trăm ngàn đồng).

10/ Ông Lê Hồng N – Hiệu trưởng Trường Tiểu học 2 Vĩnh Hòa Hưng Bắc:

Vào khoảng tháng 8/2002, bị cáo nhờ ông N đứng tên vay tiền dùm bị cáo nhưng do trước đó ông N đã đứng tên vay tiền ở Ngân hàng rồi nên ông N nhờ bà

Nguyễn Ngọc M1 là giáo viên của trường đứng tên vay dùm bị cáo Qg Số tiền 15 triệu đồng, thời hạn vay là 05 năm tại Ngân hàng phát triển nhà Đồng Bằng sông Cửu Long. Sau khi nhận tiền bị cáo có viết biên nhận và cam kết trả nợ cho Ngân hàng đúng theo hợp đồng, nhưng sau đó bị cáo không thực hiện việc trả nợ nên hàng tháng ông N đứng ra trả nợ Ngân hàng thay cho bị cáo được một thời gian thì bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương. Hiện tại số nợ trên ông N đã đứng ra trả nợ Ngân hàng thay cho bị cáo xong.

11/ Ông Lưu Ngọc V1 - Giáo viên Trường Tiểu học Thủy Liễu 2:

Ngày 12/3/2003 bị cáo Trần Vinh Qg nhờ Việt đứng tên vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bến Nhứt số tiền 30 triệu đồng, thời hạn vay 05 năm. Bị cáo viết biên nhận và cam kết sẽ thực hiện việc trả nợ theo đúng hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền bị cáo thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng đến ngày 22/9/2003 thì không còn khả năng chi trả nên bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương cho đến khi bị bắt. Số tiền gốc còn nợ Ngân hàng đến ngày 22/9/2003 là 28.024.600đ; lãi phát sinh đến ngày tất toán hợp đồng (12/3/2008) là: 14.491.9884. Tổng số tiền bị cáo còn nợ Ngân hàng tính đến ngày tất toán hợp đồng là: 42.516.588đ. Thời gian sau khi bị cáo bỏ trốn ông V1 có đứng ra trả nợ Ngân hàng thay cho bị cáo được 5.500.000 đồng, số tiền (gốc và lãi) còn nợ Ngân hàng đến thời điểm hiện nay là 37.016.588đ (*Ba mươi bảy triệu không trăm mười sáu ngàn năm trăm tám mươi tám đồng*).

12/ Ông Phạm Văn Nh - Giáo viên Trường Tiểu học 2 Vĩnh Hòa Hưng Bắc:

Ngày 07/5/2003 bị cáo Trần Vinh Qg nhờ ông Nh đứng tên vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bến Nhứt số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 05 năm. Bị cáo viết biên nhận và cam kết sẽ thực hiện việc trả nợ theo đúng hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền bị cáo thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng đến ngày 22/9/2003 thì không còn khả năng chi trả nên bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương cho đến khi bị bắt. Số tiền gốc còn nợ Ngân hàng đến ngày 22/9/2003 là 28.016.400đ; lãi phát sinh đến ngày tất toán hợp đồng (07/5/2008) là: 16.558.5234. Tổng số tiền bị cáo còn nợ Ngân hàng tính đến ngày tất toán hợp đồng là: 44.574.923đ. Thời gian sau khi bị cáo bỏ trốn ông Nh có đứng ra trả nợ Ngân hàng thay cho bị cáo được 20.429.071 đồng, số tiền (gốc và lãi) còn nợ Ngân hàng đến nay là 24.145.852đ (*Hai mươi bốn triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn tám trăm năm mươi hai đồng*).

13/ Ông Lê Như Th1 – Cán bộ Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Gò Quao:

+ Cuối năm 2002 bị cáo Trần Vinh Qg nhờ ông Th1 đứng tên vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gò Quao số tiền 10 triệu đồng, thời hạn vay 36 tháng. Bị cáo thực hiện việc trả gốc và lãi cho Ngân hàng được khoảng 07 tháng thì ngưng trả, số tiền gốc còn nợ Ngân hàng đến thời điểm này là trong 8.055.555đ (*Tám triệu không trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng*). Hiện tại ông Th1 đã đứng ra trả nợ Ngân hàng thay cho bị cáo Qg xong số nợ nêu trên.

+ Ngày 03/7/2003 bị cáo tiếp tục nhờ ông Th1 đứng tên vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bến Nhứt số tiền 30 triệu đồng, thời hạn vay 05 năm. Bị cáo cam kết sẽ thực hiện việc trả nợ theo đúng

hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền bị cáo thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng đến ngày 27/8/2003 thì không còn khả năng chi trả nên bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương cho đến khi bị bắt. Số tiền gốc còn nợ Ngân hàng đến ngày 27/8/2003 là 29.508.200đ; lãi phát sinh đến ngày tất toán hợp đồng (03/7/2008) là: 17.429.510đ. Tổng số tiền bị cáo còn nợ Ngân hàng tính đến ngày tất toán hợp đồng là: 46.937.710đ (*Bốn mươi sáu triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn bảy trăm mười đồng*). Thời gian sau khi bị cáo bỏ trốn ông Th1 có đứng ra trả nợ Ngân hàng thay cho bị cáo được 2.000.000đ, số tiền gốc và lãi còn nợ Ngân hàng đến nay là 44.937.710đ (*Bốn mươi bốn triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn bảy trăm mười đồng*). Số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của ông Th1 là: 8.055.555đ + 2.000.000đ = 10.055.555đ (*Mười triệu không trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng*). Số tiền bị cáo chiếm đoạt (Chưa trả cho Ngân hàng tính đến thời điểm tất toán hợp đồng) là: 46.937.710đ (*Bốn mươi sáu triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn bảy trăm mười đồng*).

Như vậy tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của ông Th1 và Ngân hàng (tính đến thời điểm tất toán hợp đồng) là: 10.055.555đ + 46.937.710đ = 56.993.256đ (*Năm mươi sáu triệu chín trăm chín mươi ba ngàn hai trăm năm mươi sáu đồng*).

Như vậy bị cáo Trần Vinh Qg đã thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản bằng hình thức vay, mượn tiền rồi bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tiền của 13 cá nhân và các tổ chức Ngân hàng đã nêu trên với tổng số tiền là: **358.880.637đ** (*Ba trăm năm mươi tám triệu, tám trăm tám mươi ngàn, sáu trăm ba mươi bảy đồng*).

Vật chứng: Không có.

Về biện pháp tư pháp: Không có.

Tại bản cáo trạng số 48/CT-VKSND-GQ ngày 24/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Trần Vinh Qg về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại và bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Vinh Qg mức từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với ông Danh Ko (do bà Huỳnh Ngọc M là vợ của Danh Ko làm người đại diện hợp pháp của ông Ko), ông Đặng Văn Qc, ông Trần Quốc T2, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (nay là Ngân hàng Sacombank), Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long (nay là Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh Kiên Giang), Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Bến Nhứt yêu cầu khắc phục tổng số tiền: 245.671.847đ (*Hai trăm bốn mươi lăm*

triệu sáu trăm bảy mươi một ngàn tám trăm bốn mươi bảy đồng). Sau khi khởi tố bị cáo và những bị hại (bao gồm các cá nhân và tổ chức) đã tự thỏa thuận và cùng thống nhất hoàn trả nợ vay với tổng số tiền: 236.988.970đ (*Hai trăm ba mươi sáu triệu chín trăm tám mươi tám ngàn chín trăm bảy chục đồng*). Đến nay bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền theo yêu cầu của các cá nhân và tổ chức nói trên.

Đối với ông Vũ Đức T, ông Huỳnh Tấn Gi (do bà Nguyễn Thu B là vợ làm đại diện), ông Danh Đức T4, ông Trần Vũ Tr1 (do bà Trương Thị U làm đại diện), ông Vu Quốc T1, ông Danh Hoàng N, ông Nguyễn Thanh Q, ông Bùi Hoài T3, ông Lê Hồng N không yêu cầu bị cáo khắc phục (bồi thường) số tiền đã bị chiếm đoạt nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo thừa nhận hành vi của mình như Cáo trạng truy tố, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện Gò Quao, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, các bị hại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh Kiên Giang, bà Nguyễn Thu B, ông Vu Quốc T1, ông Danh Hoàng N, ông Nguyễn Thanh Q, ông Trần Quốc T2, ông Bùi Hoài T3, ông Đặng Văn Qc, Bà Huỳnh Ngọc M, ông Lê Hồng N, ông Lê Hoàng L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh Đức T4, bà Trương Thị U có đơn xin vắng mặt; ông Phạm Văn Nh, bà Trần Đào Phương D và người làm chứng bà Nguyễn Ngọc M1 vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Xét thấy những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt những người này không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Bị cáo Trần Vinh Qg là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Bị cáo nhận thức được quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, mà bất kỳ ai có hành vi xâm phạm đều bị xử lý nghiêm nhưng vì với bản chất lười lao động muốn có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân, bị cáo đã bất chấp pháp luật để lao vào con đường phạm tội.

Hành vi của bị cáo được thực hiện trong thời gian dài từ năm 2001 đến năm 2004, khi đó bị cáo Qg là Kế toán trưởng Phòng giáo dục và đào tạo huyện Gò Quao, bị cáo đã lợi dụng sự tín nhiệm của các tổ chức và cá nhân để trực tiếp vay, mượn và nhờ người khác vay dưới hình thức tín chấp tại các tổ chức tín dụng cho

đến cuối năm 2004 thì bỏ trốn khỏi địa phương; đến khi bỏ trốn bị cáo Qg đã chiếm đoạt tiền của các tổ chức và cá nhân gồm: Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Vị Thanh (nay là Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín), Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Kiên Giang, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bến Nhứt, ông Vũ Đức T, ông Huỳnh Tấn Gi, ông Vuur Quốc T1, ông Danh Hoàng N, ông Nguyễn Thanh Q, ông Trần Quốc T2, ông Bùi Hoài T3, ông Đặng Văn Qc, ông Danh Ko, ông Lê Hồng N, ông Lưu Ngọc V1, ông Phạm Văn Nh, ông Lê Như Th1 với tổng số tiền 358.880.637đ (*Ba trăm năm mươi tám triệu, tám trăm tám mươi ngàn, sáu trăm ba mươi bảy đồng*). Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (tương ứng với điểm a khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009) . Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố về hành vi phạm tội của bị cáo Trần Vinh Qg là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

“Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

...;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

...

3. Phạm tội chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm”.

[4] Tính chất mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của các bị hại và làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Hành vi của bị cáo cho thấy bị cáo xem thường pháp luật, với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, nhằm có thời gian để giáo dục bị cáo sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Tài liệu về lý lịch cá nhân của bị cáo thể hiện bị cáo có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại, đồng thời bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên sau khi bị khởi tố, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã và đến ngày 31/5/2022 bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã. Do đó cũng cần xem xét cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra các bị hại ông Vũ Đức T, ông Huỳnh Tấn Gi (do bà Nguyễn Thu B là vợ làm đại diện), ông Danh Đức T4, ông Trần Vũ Tr1 (do bà Trương Thị U làm đại diện), ông Vuur Quốc T1, ông Danh Hoàng N, ông Nguyễn Thanh Q, ông Bùi Hoài T3, ông Lê Hồng N và tại phiên tòa ông Lưu Ngọc V1 không yêu cầu bị cáo khắc phục (bồi thường) số tiền đã bị chiếm đoạt nên đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với các bị hại ông Danh Ko (do bà Huỳnh Ngọc M là làm người đại diện), ông Đặng Văn Q, ông Trần Quốc T2, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long (nay là Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh Kiên Giang), Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Bến Nhứt với số tiền 358.880.637đ (*Ba trăm năm mươi tám triệu, tám trăm tám mươi ngàn, sáu trăm ba mươi bảy đồng*) và đã giao nhận xong.

[7] Trong thời gian bị cáo Trần Vinh Qg làm kế toán trưởng Phòng giáo dục và đào tạo huyện Gò Quao, bị cáo thực hiện nhiệm vụ thu tiền của các cán bộ, giáo viên thuộc Phòng giáo dục và đào tạo để nộp vào Kho Bạc Nhà Nước. Tính đến thời điểm bị cáo bỏ trốn, bị cáo đã thu 116.141.205đ nhưng không nộp vào kho bạc theo quy định. Gồm các khoản thu sau: Quỹ hỗ trợ trẻ em: 22.000.000đ; Quỹ đền ơn đáp nghĩa: 14.000.000đ; Quỹ học phí và xây dựng: 19.896.544đ; Bảo hiểm xã hội: 60.244.661đ. Sau khi bị cáo bỏ trốn, gia đình của bị cáo đến nộp khắc phục hậu quả 30.000.000đ và tiền bảo hiểm xã hội thôi việc của bị cáo được 19.896.544đ để trừ vào khoản tiền nợ nêu trên. Như vậy số tiền hiện nay bị cáo chiếm đoạt là: $116.141.205đ - (30.000.000đ + 19.896.544đ) = 66.244.661đ$ (*Sáu mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn sáu trăm sáu mươi mốt đồng*). Đối với hành vi này, cơ quan CSĐT Công an huyện Gò Quao đã tiến hành các biện pháp để thu thập tài liệu, củng cố chứng cứ. Tuy nhiên, đến nay Cơ quan CSĐT không thu thập được các tài liệu liên quan đến công tác chuyên môn do bị cáo Trần Vinh Qg nguyên là kế toán trưởng Phòng giáo dục và đào tạo huyện Gò Quao chịu trách nhiệm có dấu hiệu tham ô tài sản theo kết luận Thanh tra số 01/BC-ĐTTr ngày 19/3/2004 của Đoàn Thanh tra thu - chi phí, lệ phí và các khoản đóng góp - UBND huyện Gò Quao. Do đó, Cơ quan CSĐT không thể tiến hành trưng cầu giám định tài chính được nên không đủ căn cứ, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội tham ô tài sản của bị cáo Qg.

[8] Về án phí: Miễn án phí cho bị cáo do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Trần Vinh Qg phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt bị cáo Trần Vinh Qg 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành án tính từ ngày 31/5/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Miễn xét.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Miễn án phí cho bị cáo do là người cao tuổi.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện KSND huyện Gò Quao;
- Công an tỉnh Kiên Giang (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Bị cáo;
- Những người TGTT;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tôn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa